

Bản án số: 19/2020/DS-ST
Ngày: 14/9/2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoa Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Mỹ Hằng

Ông Nguyễn Văn Quang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử công khai vụ án thụ lý số 75/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm N, sinh năm: 1967 và bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Khu phố 7, phường PL, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Diệp Kim A, sinh năm 1972 và bà Trần Thị S, sinh năm 1978;
(ông Anh bà S vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Phước Hải, xã TP, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10.3.2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Giữa nguyên đơn và vợ chồng bị đơn trước đây là hàng xóm của nhau. Ngày 09/02/2018 vợ chồng ông Anh, bà S vay của vợ chồng ông Nguyễn 100.000.000đ thời hạn vay 2 năm, đến hết ngày 09/02/2020 đến hạn trả. Lãi thỏa thuận 1%/ tháng, hai bên có lập hợp đồng, được văn phòng công chứng L chứng nhận ngày 09/02/2018, số công chứng N0 00830.

Sau khi vay vợ chồng ông Anh, bà S chỉ trả cho vợ chồng ông Nguyễn 02 tháng tiền lãi, đến hạn trả nợ nhưng ông Anh, bà S không thực hiện theo hợp đồng đã thỏa thuận, do nhiều lần đòi nợ không có kết quả nên ông Nguyễn bà L khởi kiện. Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Diệp Kim A và bà Trần Thị S phải có nghĩa vụ trả nợ tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi 1%/ tháng của 22 tháng còn lại theo hợp đồng. Ngoài ra nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 10/02/2020 đến ngày 14/9/2020.

Bị đơn ông Diệp Kim A và bà Trần Thị S trình bày:

Ông Anh, bà S thừa nhận có vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng vào tháng 12 năm 2016, lãi suất 4%/ tháng, bị đơn đã trả được 14 tháng lãi, đến tháng 02/2018 thì ngưng không trả lãi. Tháng 4/2018 bị đơn tham gia huê hụi và đóng huê cho bà L để trừ nợ, hiện nay bị đơn thừa nhận chỉ còn nợ nguyên đơn 45.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Anh bà S vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông Anh bà S có đơn xin vắng trong quá trình giải quyết, xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án đề nghị HĐXX Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, nghe ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Diệp Kim A và bà Trần Thị S trả nợ tiền vay gốc và tiền lãi, đây là tranh chấp dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phát sinh từ việc vợ chồng bị đơn vay nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 02 năm, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn giao nộp 01 (một) hợp đồng vay tiền đề ngày 09/02/2018 bản sao có chứng thực, ghi nhận nội dung nội dung như nguyên đơn trình bày. Như vậy, tranh chấp

giữa các bên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo quy định tại Điều 463, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là hợp đồng vay tiền đề ngày 09/02/2018 được lập tại Phòng Công chứng L, bên vay là ông Diệp Kim A và bà Trần Thị S, phía bị đơn thừa nhận số tiền vay nhưng không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn cho rằng đã trả bớt nợ, hiện chỉ còn nợ nguyên đơn 45.000.000đ. Theo Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc đã trả 55.000.000 đồng của mình. Do đó, sự phản đối của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn, hợp đồng giữa hai bên thể hiện thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, nguyên đơn thừa nhận đã nhận 02 tháng tiền lãi của bị đơn, thỏa thuận về lãi không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được chấp nhận. Bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi của 22 tháng theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

Đối với yêu cầu tiền lãi nợ quá hạn tính từ ngày 10/02/2020 đến ngày xét xử 14/9/2020 là 7 tháng 04 ngày với lãi suất nợ quá hạn, tương đương 1,5%/tháng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên cần buộc bị đơn phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo thời gian và mức lãi suất trên là phù hợp quy định tại Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Cụ thể: Từ ngày 10/4/2018 đến ngày 09/02/2020 là 22 tháng:
 $100.000.000\text{đồng} \times 1\% \times 22 \text{ tháng} = 22.000.000\text{đồng}$.

Từ 10/02/2020 đến 14/9/2020 là 7 tháng 4 ngày:

$100.000.000\text{đ} \times 1,5\% \times 7 \text{ tháng } 4 \text{ ngày} = 10.700.000\text{đ}$

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 262; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, 463, 466, 470, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Diệp Kim A và bà Trần Thị S có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm N và bà Huỳnh Thị Kim L số tiền 132.700.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), tiền lãi là 32.700.000đ (ba mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng)

2. Về án phí: ông Diệp Kim A và bà Trần Thị S phải liên đới chịu 6.635.000 đồng (sáu triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm N và bà Huỳnh Thị Kim L số tiền 3.088.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001289, ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (tức ngày 07/9/2020). Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hoa Nga

